

Đặc điểm văn hóa ảnh hưởng đến hôn nhân xuyên biên giới của người Hmông

Lê Thị Thỏ, Phạm Thị Cẩm Vân
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Dân tộc Hmông là một trong những tộc người lưu giữ nhiều yếu tố tộc người trong hôn nhân, trong đó các đặc điểm về lịch sử tộc người, phong tục tập quán có những ảnh hưởng mạnh đến hôn nhân xuyên biên giới. Bài viết tập trung phân tích những đặc điểm văn hóa như tập quán di cư, quan hệ cộng đồng, quan hệ gia đình, dòng họ - là nguyên nhân sâu xa dẫn tới các cuộc hôn nhân xuyên biên giới hiện nay ở người Hmông vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc và Việt Nam - Lào.

Từ khóa: Văn hóa; Hôn nhân; Xuyên biên giới; Phong tục tập quán; Dân tộc; Hmông.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam có chung đường biên giới đất liền với 3 nước Lào, Trung Quốc và Campuchia. Ở mỗi vùng biên giới, các tộc người cư trú dọc hai bên biên giới có mối quan hệ lâu đời trên nhiều phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội... Do yếu tố lịch sử để lại, cũng như do cư trú sát biên gần nhau về khoảng cách địa lý, đồng thời có mối quan hệ qua lại thâm thân, tham gia các hoạt động văn hóa, nghi lễ tộc người và cả quan hệ đồng tộc

mà quan hệ hôn nhân xuyên biên giới của các tộc người được hình thành từ lâu đời. Đặc biệt, giữa các tộc người vùng miền núi phía Bắc như Tày, Nùng, Hmông, Hà Nhì, Lô Lô, Dao,... với các tộc người bên kia biên giới Trung Quốc; giữa người Hmông, Thái, Khơ mú,... với đồng tộc ở bên kia biên giới với Lào.

Trong những năm trở lại đây, tình trạng phụ nữ người Hmông ở các tỉnh biên giới như Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng, Nghệ An... lấy chồng bên Trung Quốc hay Lào tăng đáng kể. Một bộ phận do tìm hiểu, quen biết qua mối quan hệ thân tộc, một bộ phận do đi làm thuê và cũng không ít trường hợp là bị kẻ xấu lợi dụng, dụ dỗ hay là nạn nhân bị cưỡng ép của bọn buôn bán người. Điều đáng lo ngại là không chỉ phụ nữ quá lứa lỡ thì không có nơi nương tựa sang bên kia biên giới lấy chồng mà cả các cô gái trẻ và những phụ nữ đã có gia đình vẫn bỏ chồng con sang biên giới, nhiều trường hợp đi mất tích. Vậy yếu tố văn hóa tộc người có tác động như thế nào và ảnh hưởng đến đâu trong thực trạng hôn nhân xuyên biên giới của người Hmông?

Bài viết này sẽ tập trung tìm hiểu các yếu tố văn hóa tộc người: mối quan hệ gia đình, dòng họ, tộc người; đặc điểm sinh kế tộc người; phong tục trong hôn nhân,... tác động đến hôn nhân xuyên biên giới của người Hmông, dừng lại phân tích ở khía cạnh hôn nhân một chiều giữa người Hmông Việt Nam qua biên giới Lào và Trung Quốc.

2. Lịch sử tộc người và địa bàn cư trú của người Hmông

Theo số liệu của Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009, dân tộc Hmông có dân số là 1.068.189 người. Qua các nghiên cứu về sự phân bố dân cư dân tộc cho thấy trước đây người Hmông cư trú ở hầu hết các tỉnh biên giới Việt - Trung và Việt - Lào từ Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu,... đến miền Tây Thanh Hóa - Nghệ An nói riêng và các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung. Hiện nay, người Hmông còn có mặt ở Tây Nguyên với số lượng tương đối đông. Đặc biệt 2 tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông là địa phương người Hmông di cư vào lập nghiệp nhiều nhất. Điều đó cho thấy địa bàn cư trú của người Hmông khá rộng, nếu xem xét theo đặc điểm địa hình sinh thái tộc người tức theo đai điều kiện tự nhiên thì vùng rẻo cao tập trung nhiều người Hmông cư trú hơn cả.

Về nguồn gốc tộc người, các tài liệu viết về nguồn gốc lịch sử người Hmông cho thấy người Hmông có nguồn gốc từ các bộ lạc Tam Miêu cổ

xưa ở bên Trung Quốc di cư đến Việt Nam vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Vì di cư đến Việt Nam muộn hơn các tộc người khác nên địa bàn cư trú truyền thống của họ thường là các sườn núi cao, địa hình hiểm trở và bị chia cắt mạnh khiến cho việc đi lại khó khăn (Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan, 2014). Theo lời kể còn truyền lại của các dân tộc về không gian cư trú của họ thì người Tày, Thái có mặt rất sớm, các dân tộc khác đến sau. Do đó, vùng thấp nơi nhiều đồng ruộng màu mỡ trong các thung lũng, chân núi có nhiều suối và nguồn nước dồi dào là địa bàn tụ cư của người Tày và Thái, người Dao di cư đến Việt Nam khoảng cuối thế kỷ XIII, người Hmông đến muộn hơn cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX buộc phải cư trú ở trên cao. Tuy nhiên, người Hmông chọn những khu đất phù hợp để dựng làng, lập bản và khai phá đất đai thành ruộng bậc thang để trồng lúa bên cạnh trồng trọt trên nương rẫy.

Về đời sống văn hóa - xã hội, dân tộc Hmông có những nét đặc trưng rất riêng trong đặc điểm cư trú và quan hệ cộng đồng, dòng họ và gia đình. Tính cố kết trong cộng đồng, dòng họ người Hmông khá chặt chẽ, dòng họ có vai trò quan trọng quyết định mọi việc của cộng đồng như chọn đất lập làng hay di chuyển đến nơi ở mới. Các thành viên trong dòng họ có trách nhiệm giúp đỡ, bảo vệ nhau. Gia đình người Hmông theo chế độ phụ hệ, người đàn ông làm chủ gia đình và quyết định mọi việc, tư tưởng coi trọng con trai vẫn tồn tại trong đời sống cộng đồng tộc người (Đỗ Ngọc Tấn, 2004). Một số phong tục tập quán cũng thay đổi do tác động của yếu tố kinh tế thị trường như ăn mặc, ở, trang phục có sự pha trộn giữa truyền thống và hiện đại, theo một phổ thông. Mặc dù vậy, các nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng và chu kỳ đời người vẫn được tộc người lưu giữ chỉ trừ một bộ phận người Hmông theo đạo Tin lành (Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan, 2014).

3. Ảnh hưởng của đặc điểm văn hóa tộc người đến hôn nhân xuyên biên giới của người Hmông

Văn hóa tộc người, hiểu một cách đơn giản, bao gồm các nhân tố, đặc điểm, tính cách tâm lý đặc trưng tộc người và phong tục tập quán hay thói quen được hình thành và biểu hiện qua thiết chế xã hội, sinh kế, bản sắc văn hóa riêng của tộc người. Đối với người Hmông, yếu tố văn hóa tộc người thể hiện rõ nhất ở tính cố kết dòng họ, hoạt động sinh kế cũng như một số phong tục tập quán có liên quan đến tín ngưỡng, đến hôn nhân và gia đình. Đó là những mắt xích cơ bản giúp chúng ta lý giải tại sao hôn

nhân xuyên biên giới ở người Hmông cần nhìn từ khía cạnh yếu tố văn hóa tộc người.

3.1. Đặc điểm quan hệ gia đình, dòng họ

Khảo sát thực trạng hôn nhân qua biên giới cho thấy người Hmông chủ yếu lựa chọn người đồng tộc, tức là người Hmông ở Việt Nam kết hôn với người Hmông ở Lào và người Hmông ở Trung Quốc, chỉ có số ít kết hôn với người khác tộc. Trong số liệu khảo sát ở 6 tỉnh vùng biên giới của đề tài Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi, tại các xã khảo sát của Hà Giang có 31 cặp kết hôn xuyên biên giới thì có tới 17 trường hợp (54,8%) là người Hmông kết hôn đồng tộc. Tại địa bàn khảo sát ở Nghệ An có 23 trường hợp kết hôn xuyên biên giới thì đã có 18 cặp (78,26%) người Hmông kết hôn đồng tộc. Tương tự như vậy, theo kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “*Quan hệ dân tộc vùng biên giới Việt - Lào*” năm 2006 - 2007 do Viện Dân tộc học chủ trì, việc kết hôn xuyên quốc gia ở người Hmông chủ yếu diễn ra trong nội tộc người và hầu như không đăng ký với chính quyền địa phương (Lý Hành Sơn, 2008).

Thực trạng này một phần là do người Hmông ở Việt Nam với người Hmông ở Trung Quốc và Lào có cùng nguồn gốc lịch sử tộc người và cư trú ở khu vực biên giới, gần nhau về khoảng cách địa lý nên rất dễ nảy sinh quan hệ hôn nhân. Bên cạnh đó, đặc điểm hôn nhân nội tộc người “*người Hmông chỉ lấy người Hmông*” cũng trở thành quan niệm ăn sâu vào tư tưởng của họ từ trước đến nay. Vì vậy, mặc dù cư trú với các dân tộc khác sống cận cư nhưng người Hmông vẫn chỉ kết hôn với người đồng tộc.

Chúng ta biết rằng, quan hệ dòng họ của dân tộc Hmông khá chặt chẽ. Dù sinh sống ở bất cứ nơi đâu nhưng người Hmông vẫn nhận ra nhau qua cách nhận biết dòng họ như tên dòng họ, tín ngưỡng của dòng họ. Do đó người Hmông ở Lào, Trung Quốc hay ở Mỹ nếu đã cùng họ, cùng thờ một loại ma thì chắc chắn là anh em. Để cho mối quan hệ thân tộc thêm gắn bó, ở khu vực gần biên giới người Hmông vẫn qua lại thăm thân, cùng tham dự các nghi lễ tộc người, từ đó mạng lưới xã hội được mở rộng thúc đẩy quan hệ hôn nhân xuyên biên giới ở người Hmông. Nghiên cứu của Lý Hành Sơn và Trần Thị Mai Lan năm 2013-2014 đã chỉ ra rằng các lễ hội truyền thống của người Hmông chính là cơ hội cho người Hmông có thể thăm thân hai bên biên giới, tạo mối quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở người Hmông. Những gia đình Hmông có quan hệ thân thiết vẫn thường xuyên qua lại đường biên để thăm nhau, nhất là mời nhau đến tham dự các

lễ hội và tết, đám cưới,... Chẳng hạn ở khu vực biên giới Việt - Lào, người Hmông ở Việt Nam chỉ ăn tết Nguyên đán, người Hmông Lào vừa ăn tết Hmông (tổ chức vào nửa đầu tháng Chạp hàng năm) vừa ăn tết té nước của Lào, song trong mỗi dịp tết, dù ở Lào hay ở Việt Nam thì người Hmông đều qua lại đường biên giới để cùng nhau đón tết. Những người có quan hệ thân tộc thì phải có mặt đầy đủ, còn người do quen biết hoặc kết nghĩa đều nhận được lời mời... Đây là dịp để trai gái người Hmông ở hai bên biên giới có cơ hội gặp nhau và kết duyên vợ chồng.

Ở vùng biên giới Việt Nam và Trung Quốc, theo báo cáo của cán bộ quản lý tỉnh Hà Giang, việc qua lại thăm thân ở hai bên biên giới của người Hmông đã bị một số đối tượng xấu lợi dụng nhằm lừa bán, cưỡng ép những phụ nữ nhẹ dạ, cả tin bán sang bên kia biên giới cho nam giới người Trung Quốc lấy làm vợ hoặc phục vụ các hoạt động mại dâm. Hoạt động của những đối tượng này ngày càng tinh vi, xảo quyệt, nhóm tội phạm đã lợi dụng những tập quán của người Hmông mạnh động tổ chức bắt cóc rồi đưa sâu vào nội địa bán. Ở hoàn cảnh này, nhiều chị em buộc phải lấy người Trung Quốc có khi là không cùng dân tộc.

3.2. Đặc điểm sinh kế tộc người

Đối với khu vực biên giới Việt - Lào, hôn nhân xuyên biên giới còn bị chi phối bởi tập quán du canh du cư. Trước đây, khi chưa có sức ép về dân số, đất đai canh tác còn dồi dào, người Hmông có thể thực hiện canh tác luân khoảnh mà không ảnh hưởng nhiều đến môi trường tự nhiên. Ngày nay, khi dân số tăng nhanh, đất đai khan hiếm, hình thức canh tác luân canh của người Hmông không còn phù hợp. Họ phải di cư đi tìm những khu đất mới, màu mỡ, thích hợp để khai hoang trồng trọt. Trong khi đó, phía bên nước bạn Lào có điều kiện về đất đai nên người Hmông cũng như các dân tộc ở khu vực biên giới Việt - Lào mở rộng xâm canh (Đậu Tuấn Nam, 2013). Việc đi lại hai bên biên giới thường khó kiểm soát, bởi đồng bào chủ yếu di chuyển qua những con đường mòn, đường dân sinh. Thêm vào đó, hoạt động thương mại buôn bán qua biên giới Việt - Lào làm tăng thêm mối quan hệ của cộng đồng dân tộc hai bên biên giới, mở rộng mạng lưới xã hội, góp phần không nhỏ phát triển các mối quan hệ hôn nhân qua biên giới giữa người Hmông cư trú bên Lào và người Hmông ở khu vực biên giới Việt Nam.

Tại vùng biên giới Việt - Trung, sinh kế chủ yếu của người Hmông vẫn là nông nghiệp, tình trạng du canh du cư đã giảm. Nhiều vùng chuyển đổi

giống cây trồng, chú trọng đầu tư phát triển kinh tế, sản xuất nông nghiệp trở thành sản phẩm hàng hóa trao đổi trên thị trường như: ở xã biên giới Bản Lâu, huyện Mường Khương, Lào Cai, người Hmong giàu lên nhờ chuyên canh cây chuối và dứa (Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Ngọc Thanh, 2013); người Hmông ở xã Nậm Là của huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên thay đổi nhờ chăn nuôi và sản xuất ngô hàng hóa. Tuy nhiên, còn nhiều người Hmông sống ở khu vực biên giới có môi trường tự nhiên kém thuận lợi cộng với thiên tai, hạn hán cũng như thiếu đất sản xuất và nguồn nước mà đời sống của họ còn gặp khó khăn, vì thế tỷ lệ hộ nghèo ở người Hmông vẫn cao hơn so với các dân tộc cùng cư trú. Kinh tế khó khăn đã ảnh hưởng đến cuộc sống của họ, trong khi sức hút về việc làm ở bên Trung Quốc với thu nhập cao đã thu hút lao động sang Trung Quốc làm thuê. Báo cáo của các cán bộ quản lý tỉnh Hà Giang cho thấy thu nhập của hầu hết các dân tộc khu vực biên giới tỉnh Hà Giang thấp, nhu cầu việc làm thì cao, song việc làm để có thu nhập cải thiện đời sống thì hạn chế. Ruộng nương trên vùng biên giới thì chỉ có thể làm một vụ, thời gian nông nhàn dài. Bên cạnh đó, thị trường lao động Trung Quốc luôn luôn tạo sức hút người lao động sang làm thuê. Chẳng hạn, qua thống kê 34 xã khu vực biên giới của tỉnh Hà Giang từ năm 2010 đến tháng 4 năm 2015 đã có đến 29.731 lượt người sang Trung Quốc làm thuê. Công việc làm thuê xuyên biên giới cũng giúp cho họ có thêm thu nhập cải thiện cuộc sống, song cũng nảy sinh nhiều vấn đề về quan hệ tộc người trong đó có thực trạng hôn nhân xuyên biên giới của bộ phận lao động nữ làm thuê.

Tại khu vực biên giới, hoạt động biên mậu hình thành các chợ cửa khẩu, chợ cột mốc, chợ biên giới để mở rộng giao thương hàng hóa, nhất là khu vực biên giới Việt - Trung. Hệ thống chợ thu hút các tộc người giữa hai bên biên giới về trao đổi các mặt hàng thiết yếu. Bên cạnh đó, chợ còn là nơi giao lưu văn hóa của các tộc người. Qua những buổi đi chợ, các tộc người gặp gỡ, thăm hỏi, làm quen và nhiều mối tình xuyên biên giới được giao ước và kết duyên. Những cuộc hôn nhân xuất phát từ tình cảm, tìm hiểu, quen biết nhau thường là hôn nhân qua biên giới với người đồng tộc, sống giáp ranh, cận cư giữa hai nước. Do đó, hôn nhân không gặp khó khăn trong cuộc sống, bởi có sự tương đồng về văn hóa và ngôn ngữ, hiếm xảy ra xích mích. Tuy nhiên, một số kẻ xấu lợi dụng, theo dõi khi chị em phụ nữ đi chợ đã tìm cách tiếp cận, dụ dỗ, vẽ ra những viễn cảnh tốt đẹp khi sang biên giới có việc làm, thu nhập cao và ổn định tạo sự tin tưởng rồi lừa họ bán sâu vào nội địa. Những trường hợp bị lừa bán, thường phải

lấy người khác tộc nhiều hơn.

3.3. Đặc điểm hôn nhân

Tập quán kéo vợ (hay cướp vợ)

Tục kéo vợ (hay cướp vợ), khâu khá quan trọng trong hôn nhân, có trong nhiều dân tộc ít người nước ta, nhưng ở người Hmông thì tục này tồn tại lâu hơn cả (Bế Viết Đăng, 2014). Theo đó, người con gái có thể chủ động hay bị động, bị kéo (bị bắt) về nhà người con trai làm vợ. Chủ động là khi hai bên có tình cảm với nhau thì người con gái đồng ý để người con trai kéo về nhà mình và ở hẳn bên nhà trai, còn bị động khi tình cảm chỉ xuất phát từ phía người con trai thích người con gái đó và lập kế hoạch kéo (hoặc bắt) người con gái về nhà mình trong khi cô gái chưa đồng ý.

Bên cạnh ý nghĩa văn hóa tốt đẹp của tục lệ này, ở một khía cạnh khác, nếu cô gái bị chàng trai bắt mà không hề có tình cảm, nhưng bắt buộc phải lấy một khi đã qua lễ “nhập môn”, cuộc sống vợ chồng của họ sẽ gặp rất nhiều khó khăn và không có hạnh phúc. Đặc biệt, người phụ nữ Hmông ít được giao tiếp xã hội, ít bộc lộ tình cảm, cam chịu, ít có cơ hội giải bày với người khác nên thường bật phát trong các tình huống éo le của cuộc sống, dễ bỏ nhà đi để thoát khỏi cuộc sống khổ cực. Vì vậy, một số đối tượng mua bán phụ nữ, trẻ em đã lợi dụng tục “cướp vợ” để lừa gạt nạn nhân bán sang bên kia biên giới, buộc những người này phải kết hôn với người nước ngoài (Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh, 2013). Chính từ đặc điểm của tập quán kéo vợ này mà khi con gái bỏ nhà đi trong một thời gian dài nhưng gia đình vẫn cho là bình thường vì họ cho rằng con gái của họ đã được một người con trai nào đó kéo về làm vợ. Do vậy, khá nhiều trường hợp con gái bị bắt cóc, cưỡng ép sang Trung Quốc lấy chồng, sau một thời gian dài, đã có con mới liên lạc về thì bố mẹ mới biết là con gái của họ đã đi lấy chồng bên kia biên giới.

Tập quán kết hôn sớm

Trong quan niệm của người Hmông, hôn nhân là việc rất quan trọng trong cuộc đời mỗi người. Cha mẹ nào cũng mong con cái đến tuổi trưởng thành phải lấy vợ lấy chồng, yên bề gia thất vừa là bổn phận cũng là để gia đình có thêm người làm, giúp gánh vác công việc gia đình. Do đó, độ tuổi kết hôn của người Hmông thường sớm hơn so với các dân tộc khác. Hiện tượng tảo hôn ở người Hmông khá phổ biến, đặc biệt ở lứa tuổi 15-17 tỷ lệ nữ Hmông tảo hôn chiếm 32,7%, ở nam giới 18-19 tuổi là 52,5%

(Nguyễn Thế Huệ, 1999). Theo quan niệm của đồng bào Hmông, “*trai mười sáu tuổi ước có đàn bà, gái ba mươi tuổi ước có con trai đỡ đàn*”, nhà có con lớn mà chưa có gia đình thì bị chê cười (Phùng Thị Tú Anh, 2005). Hay như theo quan niệm đã ăn sâu vào tư tưởng của các dân tộc Hmông và Dao là “*ba mươi tuổi chưa lập gia đình chưa thành đôi/ bốn mươi tuổi chưa có con thì chưa thành người*”, vì thế, nếu phụ nữ Hmông bước sang tuổi 40 mà chưa có gia đình thì sẽ bị coi thường, hàng xóm dị nghị chê cười, và họ sẽ là đối tượng cho bọn buôn người dụ dỗ sang bên kia biên giới lấy chồng.

Đặc điểm ngôn ngữ

Ngôn ngữ là yếu tố quan trọng để phân biệt nhóm dân tộc này với dân tộc khác. Ngôn ngữ là một trong những đặc trưng quan trọng của yếu tố văn hóa tộc người, đồng thời là một công cụ quan trọng để giao tiếp cũng như truyền đạt các giá trị văn hóa trong nội tộc người. Tiếng Hmông thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông-Dao. Mặc dù người Hmông bao gồm nhiều nhóm nhưng họ vẫn có thể giao tiếp với nhau bằng tiếng Hmông.

Về nguồn gốc của ngôn ngữ Hmông, từ trước đến nay, các nhà ngôn ngữ học phương Bắc vẫn kiên trì coi ngôn ngữ nhóm Hmông-Dao thuộc ngữ hệ Hán-Tạng vì chúng có nhiều từ chung và nhiều điểm giống nhau trong cấu trúc (Trần Hữu Sơn, 1996). Cũng có truyền thuyết Hmông kể lại rằng trước đây người Hmông có chữ viết, luôn đánh thắng người Hán nên vua Hán cử người sang ăn trộm chữ Hmông. Mất chữ nên người Hmông bị người Hán chiếm mất đất. Cũng theo truyện cổ kể lại thì khi mới di cư sang Việt Nam, những thủ lĩnh dẫn đầu đoàn di cư là những người giỏi võ nghệ, giỏi chữ Hán. Chính vì thế, một phần văn hóa Hán được người Hmông hiểu rất rõ. Với những câu truyện và truyền thuyết ấy có thể thấy rằng văn hóa Hán có sự gắn gũi với văn hóa Hmông. Phỏng vấn tại Công an tỉnh Hà Giang, được biết nhiều phụ nữ Hmông lấy chồng là người đồng tộc bên kia biên giới, một số khác còn kết hôn với người Hán, người Hoa. Thậm chí trường hợp bị lừa bán phải lấy người Hán thì họ vẫn chấp nhận kết hôn bởi có sự tương đồng về văn hóa.

Các nghiên cứu cho thấy, đối với rất nhiều dân tộc, tư tưởng trọng nam khinh nữ ăn sâu vào nếp nghĩ của họ không dễ thay đổi. Đây cũng là thực trạng phổ biến ở tộc người Hmông. Trẻ em gái thường ít có cơ hội đến trường hơn trẻ em nam. Phụ nữ hiếm khi tham gia các hoạt động trong xã hội bởi thiếu tự tin trong giao tiếp và không biết tiếng phổ thông cũng là

trở ngại không nhỏ đối với họ. Từ những hạn chế đó mà nhận thức về việc kết hôn qua biên giới của tộc người chưa được tốt. Kết quả khảo sát tại các địa phương có người Hmông kết hôn qua biên giới như ở Hà Giang, Nghệ An... thì đa số những phụ nữ lấy chồng bên kia biên giới đều không nắm được những quy định và thủ tục về kết hôn với người nước ngoài. Họ coi việc kết hôn với người bên kia biên giới là chuyện bình thường, không đăng ký kết hôn và làm những thủ tục pháp lý cần thiết. Bởi vậy, nhiều trường hợp, phụ nữ Hmông chỉ cần cảm thấy cuộc sống gia đình nhàm chán, vất vả, khó khăn về kinh tế hoặc bị ngược đãi là họ đã có thể bỏ đi hoặc khi có người dụ dỗ, giới thiệu thì dễ dàng đi theo.

4. Một vài nhận xét

Vấn đề hôn nhân xuyên biên giới của người Hmông chịu sự tác động mạnh mẽ của các yếu tố văn hóa tộc người đó là tính cố kết gia đình, dòng họ và một số phong tục tập quán khác đã ăn sâu vào tiềm thức của họ. Đồng thời, mối quan hệ đồng tộc vốn có truyền thống trong lịch sử tộc người cùng với địa vực cư trú gần nhau về khoảng cách địa lý, đặc biệt khu vực biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc và Lào, thúc đẩy hiện tượng hôn nhân xuyên biên giới của người Hmông trở nên phổ biến.

Trong bối cảnh biên giới mở, nhu cầu đi lại, thiết lập các mối quan hệ về kinh tế, giao lưu văn hóa ở khu vực biên giới ngày càng rộng, cộng với lực hút từ phía bên kia biên giới Trung Quốc từ nhu cầu việc làm đến kết hôn là điều kiện dẫn đến tình trạng hôn nhân xuyên biên giới diễn biến phức tạp, khó lường. Bên cạnh những yếu tố tích cực trong việc duy trì mối quan hệ đồng tộc xuyên quốc gia thì hôn nhân xuyên biên giới nếu không kiểm soát được sẽ gây ra nhiều hệ lụy với việc quản lý con người giữa Việt Nam và Trung Quốc, Việt Nam với Lào, đồng thời gây mất ổn định xã hội cũng như an ninh quốc phòng vùng biên giới. Do đó, các cấp chính quyền và cơ quan chức năng cần đẩy mạnh hơn nữa kiểm tra giám sát ở khu vực biên giới, ngăn chặn kịp thời hành vi buôn bán lừa đảo phụ nữ, trẻ em, đồng thời nâng cao công tác tuyên truyền hiểu biết về văn bản pháp luật đối với công dân Việt Nam nói chung và đồng bào các dân tộc trong đó có tộc người Hmông nói riêng sinh sống ở khu vực biên giới để việc kết hôn qua biên giới đảm bảo thực hiện đúng thủ tục pháp lý. Bên cạnh đó, Nhà nước cần đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng biên ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống của các tộc người góp phần củng cố tiềm lực an ninh quốc phòng vững mạnh. ■

Tài liệu trích dẫn

- Bế Việt Đăng. 2014. “Dân tộc Hmông” trong: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* (tái bản có bổ sung). Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh. 2013. *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Đậu Tuấn Nam. 2013. *Di cư của người Hmông từ đổi mới đến nay*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- Đỗ Ngọc Tấn (Chủ biên). 2004. *Hôn nhân gia đình các dân tộc Hmông - Dao ở hai tỉnh Lai Châu và Cao Bằng*. Nxb. Văn hóa dân tộc. Hà Nội.
- Hoàng Xuân Lương. 2000. *Văn hóa người Hmông ở Nghệ An*. Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Lý Hành Sơn. 2008. *Quan hệ dân tộc vùng biên giới Việt - Lào* (Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ), Viện Dân tộc học. Hà Nội.
- Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan. 2014. *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng miền núi phía Bắc* (Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài cấp Bộ). Viện Dân tộc học. Hà Nội.
- Lý Hành Sơn. 2015. “Nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay: các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao và Hán - Tạng”. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 1&2/2015, tr. 28- tr. 40.
- Nguyễn Thế Huệ. 1999. “Trình trạng tảo hôn ở một số dân tộc thiểu số Việt Nam”. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 1/1999.
- Phùng Thị Tú Anh. 2005. *Hôn nhân và gia đình người Hmông Trắng huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên*. Luận văn thạc sỹ. Hà Nội.
- Trần Hữu Sơn. 1996. *Văn hóa Hmông*. Nxb. Văn hóa dân tộc. Hà Nội.